

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-PT

Ngày 30 - 6 - 2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái

Bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Hoàng Thị Tuyết
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLPT- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2021/QĐ - PT ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang làm việc tại Hà Tĩnh (có mặt);

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị T1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đặng Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 8 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông và bà Đặng Thị T1 được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 7 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn bà T1 về chung sống với ông cùng gia đình ông, quá trình chung sống ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 1996 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn

đến thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông chán nản chơi bời, năm 1997 thì ông mắc vào nghiện ma túy. Thời gian đó, bà T1 không chăm sóc quan tâm gì đến ông nên khoảng năm 2000, ông có quen biết và nảy sinh tình cảm với bà Nguyễn Thị M, khi bà T1 biết ông với bà M có quan hệ với nhau, bà T1 đã trực tiếp đến hỏi bà M và đề nghị bà M về chung sống với ông như vợ chồng. Từ đó đến nay, ông và bà T1 sống ly thân nhau. Năm 2012, ông bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Trong thời gian ông đi thụ án, bà T1 không thăm hỏi hoặc tiếp tế cho ông. Hiện tại ông và bà M đã có với nhau 02 con riêng và sinh sống tại Hà Tĩnh. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đặng Thị T1.

Bị đơn là bà Đặng Thị T1 trình bày: Bà xác định về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như ông T trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo bà nguyên nhân sâu xa dẫn đến bà và ông T mâu thuẫn chủ yếu là do ông T có quan hệ bất chính với bà Nguyễn Thị M. Khi bà phát hiện ra thì giữa ông T và bà M đã có con với nhau nên bắt buộc bà phải miễn cưỡng đến nhà bà M hỏi bà M về sống chung với ông T, còn thực tâm bà không mong muốn điều đó. Mặc dù ông T sống chung như vợ chồng với bà M ở Hà Tĩnh nhưng hàng năm ông T vẫn về thăm gia đình, bà và ông T vẫn còn tình cảm với nhau không phải là sống ly thân như ông T trình bày. Bà thừa nhận khi ông T sống chung với bà M thì cuộc sống hàng ngày của ông T đã có bà M lo toan nên bà không có ý thức quan tâm chăm sóc gì đối với ông T. Mặc dù bà không quan tâm chăm sóc gì ông T nhưng khi ông T vắng nhà bà vẫn ở cùng với bố mẹ đẻ của ông T nên bà chỉ biết ở nhà chăm sóc bố mẹ chồng và nuôi dạy các con khôn lớn chứ thực tế bà không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm với ông T. Nay ông T xin ly hôn với bà, xét thấy bà vẫn còn tình cảm với ông T nên bà không đồng ý ly hôn, bà chỉ đồng ý sống ly thân với ông T như trước mà thôi. Lý do bà không đồng ý ly hôn với ông T là vì hiện tại bà và ông T đã nhiều tuổi, các con các cháu cũng đã lớn, bà không muốn các con không có bố, có mẹ, các cháu không có ông, có bà.

Hành vi của ông T sống chung với bà M như vợ chồng diễn ra đã lâu, nguyên nhân ông T tìm đến bà M cũng là do bà và ông T đã rạn nứt tình cảm, bà và gia đình cũng đã chấp nhận việc ông T và bà M sống chung với nhau và có con riêng nên bà không có ý kiến đề nghị gì đối với hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng của ông T và bà M.

Về con chung: Ông T và bà T1 đều xác định, vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị T2, sinh năm 1989 và Trần Văn T3, sinh năm 1993. Do các con của

ông bà đến nay đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ và công sức: Ông T và bà T1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Với nội dung nêu trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, quyết định: Áp dụng điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho ông Trần Văn T được ly hôn với bà Đặng Thị T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/02/2021, bà Đặng Thị T1 kháng cáo đối với Bản án số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị T1, sửa bản án sơ thẩm số: 03/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo hướng không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng của ông T; giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Kháng cáo của bà Đặng Thị T1 làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Đặng Thị T1 đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Trần Văn T và bà Đặng Thị T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 7 năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2000

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do năm 1997 ông T bị nghiện ma túy, bà T1 không quan tâm đến ông nên ông có tình cảm và quan hệ với bà Nguyễn Thị M. Dẫn đến năm 2001 và 2004 ông T ly hôn với bà M có với nhau hai người con chung và kể từ đó thì ông T công khai chung sống với bà M.

Do đó Hội đồng xét xử đánh giá nguyên nhân để phát sinh mâu thuẫn là do ông T muốn từ bỏ cuộc sống chung, chối bỏ trách nhiệm gia đình, vợ con để yêu cầu xin được ly hôn rồi chung sống hợp pháp với bà M là không phù hợp, không có căn cứ theo Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại Điều 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao số 02/2000/NĐ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2000 về căn cứ cho ly hôn. Nếu chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T với bà T1 là tiếp tay cho hành vi vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù ông T cương quyết xin ly hôn nhưng bà T1 lại tha thiết xin đoàn tụ vì bản thân bà trong suốt thời gian ông T chung sống với bà M thì bà T1 vẫn thực hiện trách nhiệm của người vợ, người mẹ và người con trong gia đình với ông T. Bà vẫn sống cùng bố mẹ ông T tại Thôn T, xã V, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc suốt từ đó đến nay.

Vì vậy cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà T1, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T với bà T1.

Kiến nghị Chủ tịch UBND xã V, huyện Y xử lý hành chính đối với hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng của ông Trần Văn T.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T1 được chấp nhận nên bà T1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị T1. Sửa bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T với bà Đặng Thị T1.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0000045 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Bà Đặng Thị T1 không phải chịu án phí phúc thẩm, bà T1 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000141 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y..

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã V, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà